TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2025/DS-ST
Ngày: 23-5-2025
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Thu Hường.
Bà Mai Thị Kim Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Huỳnh Thị Trần Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: bà Lý Kiều Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 103/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP S.**
Địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Ngọc L – Chuyên viên kinh doanh thẻ.
Địa chỉ: C H, Khu phố B, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1986;
Địa chỉ: G ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.
(Ông L, bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2024 của Ngân hàng TMCP S và các lời trình bày của ông Huỳnh Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có nội dung:

Năm 2016, bà Nguyễn Thị N có ký với Ngân hàng TMCP S 01 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng như sau: Hạn mức sử dụng là: 20.000.000đ; Mục đích: Tiêu dùng cá nhân; Lãi suất trong hạn hiện tại: 33,2%/năm; Lãi suất quá hạn hiện tại: 49,8%/năm; Thời hạn thanh toán: Chủ thẻ phải thanh toán cho S1 số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu và hoặc trước Ngày đến hạn được ghi trên Thông báo giao dịch; Phương thức thanh toán: Nộp tiền mặt Chuyển khoản/Trích nợ tự động từ tài khoản thanh toán. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 353.260.000đ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 359.375.383đ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 29/02/2024, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/8/2024, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc vay là 23.178.448đ, lãi suất phát sinh tạm tính là 5.802.136đ, tổng cộng là 28.980.584đ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả số tiền gốc vay là 23.178.448đ, lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 29/8/2024 là 5.802.136đ, tổng cộng là 28.980.584đ 2. Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên toà ngày 23/5/2025, Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án bảng kê số tiền bà N còn thiếu, cụ thể là: nợ gốc là 23.178.448đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 23/5/2025 là 14.361.088đ, tổng cộng là 37.539.536đ. Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán số tiền gốc vay và lãi vay là 37.539.536đ và yêu cầu bà N tiếp tục chịu tiền lãi suất cho đến khi trả hết số nợ vay.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà N không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của bà N đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà N cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP S khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị N có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26;

Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S, Bị đơn là bà Nguyễn Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà N đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N không chấp hành. Riêng ông Huỳnh Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S là Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt các đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: Căn cứ theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" ngày 27/5/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị N có chữ ký tên và chữ viết tên Nguyễn Thị N nên đủ cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất thẻ là 2,76%/tháng; phương thức thanh toán là chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ có quyền lựa chọn thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ. Trong quá trình giao dịch, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 353.260.000đ. Tính đến ngày 23/5/2025, bà N còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc vay là 23.178.448đ và tiền lãi phát sinh nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền gốc vay là 23.178.448đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 23/5/2025 là 14.361.088đ, tổng cộng là 37.539.536đ. Do vậy, có đủ cơ sở buộc bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 23.178.448đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 23/5/2025 là 14.361.088đ, tổng cộng là 37.539.536đ cho Ngân hàng TMCP S theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về phương thức thanh toán: Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả tiền vay, bà N không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà N trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất phát sinh sau ngày 23/5/2025 (là ngày xét xử sơ thẩm): Căn cứ theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" ngày 27/5/2016 thì giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay đến thời điểm khách hàng vay chưa thanh toán xong khoản nợ, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng vay... Hội đồng xét xử xét thấy, việc Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà N tiếp tục chịu lãi suất từ ngày 23/5/2025 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận với Ngân hàng TMCP S theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" ngày 27/5/2016 tương ứng với số tiền nợ và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền nợ là có căn cứ đúng quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Bà N phải tiếp

tục chịu lãi suất phát sinh từ ngày 23/5/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP S.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.876.977đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 725.000đ do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 288 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền nợ gốc là 23.178.448đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 23/5/2025 là 14.361.088đ, tổng cộng là 37.539.536đ.

Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền nợ gốc 23.178.448đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 23/5/2025 là 14.361.088đ, tổng cộng là 37.539.536đ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 23/5/2025 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận với Ngân hàng thương mại cổ phần S theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" ngày 27/5/2016 tương ứng với số tiền vốn và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải nộp 1.876.977đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 725.000 theo biên lai thu số 0003294 ngày 29/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh